**PHỤ LỤC 2**

**BẢNG TỔNG HỢP TIẾP THU Ý KIẾN XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH BAN HÀNH BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT CỦA VIỆT NAM ĐỂ THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH THÀNH LẬP KHU VỰC THƯƠNG MẠI TỰ DO ASEAN - ỐT-XTRÂY-LIA – NIU DI-LÂN GIAI ĐOẠN 2022-2027**

Ngày 15/6/2022, Bộ Tài chính có công văn số 5670/BTC-HTQT gửi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị về dự thảo Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Ốt-xtrây-lia – Niu Di-lân (AANZFTA) giai đoạn 2022-2027. Tính đến thời điểm hiện tại (tháng 10/2022), Bộ Tài chính nhận được 65/105 công văn tham gia ý kiến gồm 19/31 văn bản trả lời của các Bộ và cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, 44/63 công văn tham gia ý kiến của đại diện các Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, 02/11 công văn tham gia ý kiến của VCCI và Hiệp hội, không có ý kiến tham gia của người dân và doanh nghiệp thông qua Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. Dưới đây là tổng hợp các ý kiến tham gia đối với Dự thảo Tờ trình Chính phủ và Dự thảo Nghị định biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định AANZFTA giai đoạn 2022-2027, bao gồm 3 phần: i) Tổng hợp các ý kiến hoàn toàn nhất trí với các Dự thảo; ii) Tổng hợp các ý kiến được Bộ Tài chính tiếp thu và đã điều chỉnh tại các Dự thảo và iii) Ý kiến giải trình, lý do không tiếp thu.

**I/ CÁC Ý KIẾN HOÀN TOÀN NHẤT TRÍ VỚI DỰ THẢO CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

| **STT** | **Bộ ngành, địa phương, Hiệp hội** | **Công văn** |
| --- | --- | --- |
|  | Cổng Thông tin điện tử Chính phủ | 497/TTĐT-DLĐT ngày 5/7/2022 |
|  | Bộ Ngoại giao | 2770/BNG-KTĐP ngày 7/7/2022 |
|  | Bộ Giao thông vận tải | 6300/BGTVT-HTQT ngày 22/6/2022 |
|  | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 4373/NHNN-PC ngày 28/6/2022 |
|  | Bộ Công an | 5451/ANKT-TCĐT ngày 21/7/2022 |
|  | Bộ Quốc phòng | 2133/BQP-KHĐT ngày 18/7/2022 |
|  | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 3786/BTNMT-KHTC ngày 05/7/2022 |
|  | Bộ Xây dựng | 3274/BXD-HTQT ngày 15/8/2022 |
|  | Ủy ban Dân tộc | 999/UBDT-KHTC ngày 24/6/2022 |
|  | Thông tấn xã Việt Nam | 615/TTX-KHTC ngày 29/6/2022 |
|  | Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam | 1408/VHL-KHTC ngày 12/7/2022 |
|  | Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI | 1923/PTM-TTWTO ngày 03/10/2022 |
|  | Hiệp hội thức ăn chăn nuôi Việt Nam | 27/CV-VFA ngày 28/6/2022 |
|  | UBND tỉnh Tiền Giang | 1933/STC-TCĐT-DN ngày 27/6/2022 |
|  | UBND tỉnh Lai Châu | 949STC-NS ngày 27/6/2022 |
|  | UBND tỉnh Bắc Kạn | 4034/UBND-TH ngày 24/6/2022 |
|  | UBND tỉnh Cà Mau | 663/HQCM ngày 29/6/2022 |
|  | UBND tỉnh Lào Cai | 2975/UBND-KT ngày 4/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Tây Ninh | 2063/UBND-KT ngày 14/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Trà Vinh | 2559/STC-NS ngày 17/6/2022 |
|  | UBND tỉnh Lạng Sơn | 758/UBND-KT ngày 2/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Nam Định | 276/UBND-VP6 ngày 29/6/2022 |
|  | UBND tỉnh Đồng Tháp | 994/HQĐT-NV ngày 30/6/2022 |
|  | UBND tỉnh Gia Lai | 1437/UBND-KTTH ngày 4/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Ninh Bình | 1741/HQHNN-NV ngày 12/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Quảng Nam | 730/HQQNa-NV ngày 4/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Ninh Thuận | 2492VPUB-KTTH ngày 1/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Quảng Ngãi | 815/HQQNg-NV ngày 1/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Phú Yên | 1799/CT-NVDTPC ngày 1/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Điện Biên | 473/CTDBI-NVDTPC ngày 29/6/2022 |
|  | UBND tỉnh Bình Định | 889/HQTB-NV ngày 1/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Nghệ An | 5075/UBND-KT ngày 6/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Cần Thơ | 1064/HQCT-NV ngày 1/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Bạc Liêu | 2272/UBND-TH ngày 30/6/2022 |
|  | UBND tỉnh Khánh Hòa | 6273/UBND-KT ngày 8/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Hà Tĩnh | 1048/HQHT-NV ngày 28/6/2022 |
|  | UBND tỉnh Kon Tum | 2101/UBND-KTTH ngày 4/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Hải Phòng | 2407/STC-QLNTNS ngày 4/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Bình Dương | 2476/STC-QLNS ngày 7/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Thanh Hóa | 1207/HQTH-NV ngày 1/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Long An | 1156/HQLA-NV Ngày 27/6/2022 |
|  | UBND tỉnh Bến Tre | 3924/UBND-TCĐT ngày 23/6/2022 |
|  | UBND tỉnh Phú Thọ | 1183/STC-QLNS ngày 4/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Bình Thuận | 8041/CTBTH-KK ngày 30/6/2022 |
|  | UBND tỉnh Sơn La | 2368/STC-TCDN ngày 30/6/2022 |
|  | UBND tỉnh An Giang | 1800/HQAG-NV ngày 4/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Nam Định | 288/UBND-VP6 ngày 5/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Bình Phước | 1229/HQBP-NV ngày 1/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Thái Nguyên | 3112/UBND-KT ngày 6/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Quảng Bình | 1151/UBND-TH ngày 30/6/2022 |
|  | UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | 8408/UBND-VP ngày 18/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Đắk Lắk | 638/HQĐL-NV ngày 24/6/2022 |
|  | UBND tỉnh Bắc Giang | 3803/CTBGI-NVDTPC ngày 27/6/2022 |
|  | UBND tỉnh Bắc Ninh | 1024/HQBN-NV ngày 27/7/2022 |
|  | UBND tỉnh Yên Bái | 2393/STC-QLNS ngày 10/8/2022 |
|  | UBND tỉnh Đồng Nai | 8833/UBND-KTNS ngày 22/8/2022 |

 **II/ CÁC Ý KIẾN BỘ TÀI CHÍNH ĐÃ TIẾP THU VÀ ĐIỀU CHỈNH DỰ THẢO**

| **STT** | **Bộ ngành, địa phương, Hiệp hội** | **Công văn** | **Ý kiến tham gia** | **Ý kiến Bộ Tài chính** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 4597/BKHĐT-TCTT ngày 08/7/2022 | -Đề nghị cập nhật về căn cứ pháp lý và cơ sở chuyển đổi kỹ thuật “Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vào Việt Nam | Tiếp thu, đã điều chỉnh tại dự thảo |
|  | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 2378/BVHTTDL-KHTC ngày 05/7/2022 | Đề nghị rà soát “Mã hàng”, “Mô tả hàng hóa” để đảm bảo thống nhất với danh mục xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ Tài chính. | Tiếp thu, Bộ Tài chính đã rà soát đảm bảo Biểu thuế AANZFTA thống nhất với danh mục xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022. |
|  | Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp | 910/UBQLV-TH ngày 01/7/2022 | Đề nghị lấy ý kiến trực tiếp các doanh nghiệp, đối tượng thực hiện xuất nhập khẩu, đồng thời tiếp thu ý kiến của các Hiệp hội, các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh để đảm bảo tính khả thi của Nghị định khi thực hiện. | Tiếp thu, dự thảo Nghị định được Bộ Tài chính gửi lấy ý kiến rộng rãi và đăng tải trên trang điện tử của Bộ Tài chính và Cổng thông tin điện tử Chính phủ theo công văn số 5670/BTC-HTQT ngày 15/6/2022 của Bộ Tài chính. |
|  | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Công văn số 4475/BNN-HTQT ngày 13/7/2018 | Đề nghị làm rõ thêm về một số mã hàng HS được bổ sung thêm vào biểu thuế nhập khẩu ưu đãi của Việt Nam giai đoạn 2022-2027 so với giai đoạn 2018-2022 | Danh mục “Mã hàng” và “Mô tả hàng hóa” tại Biểu thuế ban hành kèm theo nghị định đã được rà soát để đảm bảo thống nhất với danh mục xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ Tài chính. Theo đó, có một số mã hàng có thay đổi khi chuyển đổi mã HS 2017 sang HS 2022. |
|  | Bộ Khoa học và Công nghệ | 2292/BKHCN-KHTC | Đề nghị rà soát, nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan để trình Chính phủ | Tiếp thu, dự thảo Nghị định được Bộ Tài chính gửi lấy ý kiến rộng rãi và đăng tải trên trang điện tử của Bộ Tài chính và Cổng thông tin điện tử Chính phủ theo công văn số 5670/BTC-HTQT ngày 15/6/2022 của Bộ Tài chính. |
|  | Bộ Công Thương | 6097/BCT-ĐB ngày 05/10/2022 | - Đối với 8/10 dòng hàng thuộc nhóm 2404, đề nghị làm rõ lý do và cơ sở xác định thuế suất nhập khẩu và đưa vào tờ trình chính phủ.- Đề nghị làm rõ căn cứ xây dựng và ban hành Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn.- Đề nghị rà soát việc Biểu thuế theo AHTN 2022 thiếu dòng thuế 8536.50.92.- Đề nghị sửa cụm từ “Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa” (Khoản 3, Điều 4) thành “Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa.- Tại Phụ lục 2 đề nghị ghi rõ đối với các cụm từ AANZFTA.- Đối với việc sửa đổi thuế suất cho dòng thuế 8703.60.93 từ 50% (giai đoạn 2018-2022) về 25% (giai đoạn 2023-2027), đề nghị làm rõ trường hợp doanh nghiệp đã bị áp dụng thuế cao giai đoạn 2018 – 2022 thì có được hoàn thuế nhập khẩu đối với mức chênh lệch khi Nghị định mới có hiệu lực không.- Khoản 5, Điều 3 quy định về mức thuế suất áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu áp dụng hạn ngạch thuế quan, Việt Nam có cam kết thuế suất ngoài hạn ngạch đối với nhóm 1701, đề nghị bổ sung quy định để thể hiện cam kết. | - Tiếp thu, Bộ Tài chính đã bổ sung thông tin lý do, cơ sở đề xuất đối với nhóm 2404 tại Mục III.2 của dự thảo Tờ trình Chính phủ. - Tiếp thu, Bộ Tài chính đã bổ sung căn cứ tại công văn số 3868/VPCP-TH ngày 23/6/2022, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái đã đồng ý đề xuất của Bộ Tài chính về việc đăng ký bổ sung chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định ACFTA giai đoạn 2022 – 2027- Tiếp thu, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát, theo đó, danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ Tài chính không bao gồm dòng thuế 8536.50.92. Danh mục nói trên được xây dựng dựa trên Danh mục hài hòa hóa thuế quan ASEAN (AHTN) 2022 đã được các nước ASEAN đàm phán và thống nhất.- Tiếp thu ý kiến của Bộ Công Thương, đồng thời rà soát theo quy định tại Thông tư số 31/2015/TT ngày 30/7/2019 của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi như sau: *“3. Đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN – Ôt-xtrây-lia – Niu Di-lân, có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) Mẫu AANZ hoặc có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, theo quy định của Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN – Ôt-xtrây-lia – Niu Di-lân và quy định hiện hành của pháp luật.”*- Tiếp thu, Bộ Tài chính đã rà soát và bổ sung ghi chú với cụm từ AANZFTA tại dự thảo Tờ trình Chính phủ là “Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN – Ôt-xtrây-lia – Niu Di-lân (gọi tắt là Hiệp định AANZFTA)” để giúp đơn giản nội dung tại TTCP và các phụ lục đính kèm.- Tiếp thu, Bộ Tài chính đã đánh giá và bổ sung nội dung này vào phần VI với nội dung đánh giá như sau: *“Qua rà soát, giai đoạn 2018 – 2021, không ghi nhận số liệu nhập khẩu của mã hàng 8703.60.93 (AHTN 2017) cho các đối tác tại Biểu AANZFTA, do đó việc chỉnh sửa số liệu thuế suất sẽ không làm ảnh hưởng đến số thu ngân sách nhà nước cũng như không phát sinh việc hoàn thuế nhập khẩu cho các doanh nghiệp bị áp mức thuế cao giai đoạn trước”.*- Tiếp thu, Bộ Tài chính đã điều chỉnh lại nội dung tại khoản 5 Điều 3 như sau: *“Đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng hạn ngạch thuế quan đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt trong hạn ngạch là mức thuế suất quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt, mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch được quy định tại Danh mục hàng hóa áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch ban hành kèm theo Nghị định này. Mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch đối với hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch ban hành kèm theo Nghị định này thì áp dụng theo quy định của Chính phủ tại thời điểm nhập khẩu. Danh mục và lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu hàng năm theo quy định của Bộ Công Thương.”* |
|  | Bộ Y tế | 4655/BYT-KHTC ngày 26/8/2022 | - Về quy định biểu thuế xuất nhập khẩu đối với thuốc, nguyên liệu làm thuốc cần xem xét đến việc tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng đến giá thuốc, chi phí khám chữa bệnh. | - Tiếp thu, việc ban hành Nghị định Biểu thuế AANZFTA là nhằm nội luật hóa thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam đã được ký kết. Qua rà soát, các mặt hàng dược phẩm được quy định tại Chương 30 Biểu thuế đính kèm Nghị định, trong đó hầu hết các mặt hàng có mức thuế suất áp dụng là 0%. |
|  | UBDN tỉnh Thừa Thiên Huế | 6893/UBND-TC ngày 4/7/2022 | - Tại phần cơ sở pháp lý dự thảo, đề nghị bổ sung căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;- Tại khoản 3 Điều 3 của dự thảo Nghị định:+ Sửa đoạn (b) “01/01/2023 – **01/01/2027**: từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2027.” thành “01/01/2023 – **31/12/2027**: từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2027”.- Tại khoản 2 Điều 3 của dự thảo Nghị định đề nghị bỏ từ **“các”** biểu thuế do Nghị định chí có 01 biểu thuế nhập khẩu. | Tiếp thu, đã điều chỉnh tại dự thảo |

**III/ CÁC Ý KIẾN GIẢI TRÌNH CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

| **STT** | **Bộ ngành, địa phương, Hiệp hội** | **Công văn** | **Ý kiến tham gia** | **Ý kiến giải trình của** **Bộ Tài chính** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | UBDN tỉnh Thừa Thiên Huế | 6893/UBND-TC ngày 4/7/2022 | - Đề nghị sửa đổi nội dung tại Điều 1 về phạm vi điều chỉnh thành “Nghị định này **ban hành Biểu thuế nhập khẩu** ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định…..”- Tại phần cơ sở pháp lý dự thảo Nghị định, đề nghị bổ sung: “Căn cứ cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017”- Tại khoản 3 Điều 3 của dự thảo Nghị định:+ Đề nghị thêm từ “Cột” phía trước các mốc thời gian, ví dụ: a) **Cột** “01/12/2022-31/12/2022:…” | Kết cấu Nghị định bao gồm Lời văn Nghị định và Biểu thuế ban hành kèm theo, trong đó lời văn Nghị định quy định cụ thể các điều kiện áp dụng và Biểu thuế chi tiết mức thuế suất áp dụng. Do vậy, phạm vi điều chỉnh của Nghị định bao gồm thuế suất và điều kiện được hưởng thuế suất tương ứng. Bộ Tài chính đề xuất không điều chỉnh Điều 1, giữ nguyên theo dự thảo:*“Nghị định này quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Ốt-xtrây-lia – Niu Di-lân giai đoạn 2022-2027 và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này”*.- Khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ CP chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định“Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để bạn hành văn bản.”Luật Quản lý thuế và Luật Quản lý ngoại thương không có các quy định trực tiếp để thực hiện thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt.Tại câu đầu tiên của Khoản 3 Điều 3, dự thảo Nghị định đã ghi rõ “**Cột** “Thuế suất AANZFTA (%)”: Thuế suất áp dụng cho các giai đoạn khác nhau, bao gồm:…” do đó đã đảm bảo sự chặt chẽ, đơn giản lời văn Nghị định. Bên cạnh đó, các Nghị định thời gian qua có quy định tương tự không gặp khó khăn, vướng mắc, do vậy Bộ Tài chính đề xuất giữ nguyên như dự thảo. |
|  | Bộ Nội Vụ | 2993/BNV-PC ngày 1/7/2022 | Đề nghị bổ sung dẫn chiếu cụ thể tên văn bản quy phạm pháp luật tại khoản 4 Điều 4 dự thảo Nghị định (thay cụm từ “theo quy định hiện hành của pháp luật”), tránh cách hiểu không thống nhất, bảo đảm tính công khai, minh bạch, thuận lợi trong tổ chức thực hiện. | Khoản 4 Điều 4 tại dự thảo quy định về việc đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định AANZFTA, có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) Mẫu AANZ, hiện nay nội dung này được quy định tại Thông tư 31/2015/TT-BCT hướng dẫn thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN – Úc – Niu Di Lân, đây là văn bản có giá trị pháp lý thấp hơn dự thảo Nghị định chuẩn bị ban hành. Dự thảo hiện nay dẫn chiếu đến quy định của Hiệp định AANZFTA và “quy định hiện hành của pháp luật” đã đảm bảo đủ tính chặt chẽ thực hiện, đồng thời bao hàm cả các quy định có thể được điều chỉnh bổ sung tại các văn bản sau này. Hơn nữa, cụm từ "theo quy định hiện hành của pháp luật" đã được quy định tại các Nghị định giai đoạn trước và không phát sinh vướng mắc trong thực thi thời gian qua. Do đó, Bộ Tài chính đề xuất giữ nguyên nội dung dự thảo. |
|  | Bộ Công Thương | 6097/BCT-ĐB ngày 05/10/2022 | - Đề nghị sửa khoản 3 Điều 4 liên quan đến điều kiện vận chuyển trực tiếp và dẫn chiếu theo quy định của Hiệp định và hướng dẫn của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính. | Trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đề xuất lược bỏ nội dung quy định liên quan đến vận chuyển trực tiếp do quy định về xuất xứ hàng hóa tại khoản 3 Điều 4 tại dự thảo hiện nay đã bao hàm nội dung về vận chuyển trực tiếp “*3. Đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN – Ôt-xtrây-lia – Niu Di-lân, có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) Mẫu AANZ hoặc có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, theo quy định của Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN – Ôt-xtrây-lia – Niu Di-lân và quy định hiện hành của pháp luật.”*Nội dung khoản này không dẫn chiếu đến hướng dẫn của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính để đảm bảo phù hợp với Khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ CP chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để bạn hành văn bản.”. Theo đó, Nghị định AANZFTA là văn bản có pháp lý cao hơn so với các văn bản hướng dẫn cấp Bộ. |
|  | Bộ Y tế | 4655/BYT-KHTC ngày 26/8/2022 | - Đề nghị có cơ chế trao đổi thông tin giữa Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về số liệu xuất nhập khẩu trang thiết bị y tế.- Về nhóm thuốc lá 2404, đề nghị không bổ sung nhóm hàng mới (2404) vào danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam vì các sản phẩm này không được quy định cụ thể trong Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá. | - Nội dung này không nằm trong phạm vi quy định của Nghị định. Bộ Tài chính sẽ phối hợp với Bộ Y tế và các Bộ ngành liên quan trong trao đổi thông tin về số liệu xuất nhập khẩu trang thiết bị y tế.- Việc bổ sung các sản phẩm này (nhóm 2404) tuân thủ theo Danh mục Biểu thuế hài hòa ASEAN phiên bản 2022 đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 8/3/2022, tuân thủ Công ước quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã hàng hóa của Tổ chức Hải quan thế giới, Hiệp định hải quan ASEAN đã được ký kết ngày 30/3/2012; Nghị định thư thực hiện Danh mục thuế quan hài hòa ASEAN đã được ký kết vào ngày 7/8/2003 và các Nghị định thư sửa đổi AHTN vào năm 2004 và năm 2010.Về chính sách đối với các mặt hàng nhóm 2404 tại Nghị định AANZFTA, Bộ Tài chính đánh giá đây là nhóm hàng nhạy cảm, đề xuất áp dụng chính sách thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt tương tự với các mặt hàng thuốc lá thuộc Nhóm 2403 là mức thuế cao (30%) theo Hiệp định AANZFTA. |